

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 02 - 2023

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Minh Hùng

2. Ông Huỳnh Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
ông Trần Long Châu – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

Tạm trú: số 318/A6 T, Khu phố B, Phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: Chị và anh C tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; anh C thường hay cờ bạc và uống rượu với bạn bè từ sáng đến chiều, từ ngày này qua ngày khác không chăm lo cho gia đình. Chị đã khuyên anh C nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị không còn sống chung với anh C từ năm 2019 đến nay. Nay Chị không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị ly hôn với anh C

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/7/2001 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày

17/02/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, anh C trình bày: chị Đ đã bỏ nhà đi mấy năm nay, hôn nhân giữa anh với chị Đ không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Đ; về con chung: giữa anh với chị Đ có 02 con chung gồm Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/7/2001 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 17/02/2008. Khi ly hôn anh thống nhất theo yêu cầu của chị Đ là giao cháu T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Đồng thời anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì mới.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Cháu T có nguyện vọng sống cùng chị Đ khi anh C và chị Đ ly hôn

* Vị kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 17/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ chăm sóc, nuôi dưỡng anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Ngọc T mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với đương sự trên

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh C tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ: Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”* và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Chị Đ và anh C không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau chăm từ năm 2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C, phía anh C vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, anh C trình bày anh cũng đồng ý ly hôn với Chị Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Đ: cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/7/2001 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 17/02/2008 hiện đang sống cùng chị Đ được chị chăm sóc chu đáo về mọi mặt và nguyện vọng của cháu cũng muốn sống cùng chị Đ; phía anh C cũng đồng ý giao cháu T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn C
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 17/02/2008 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Ngược lại người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Đ nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004400 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Diện